

Số: /QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
ngành Quản trị kinh doanh

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-HVCSPT ngày 06/07/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ đề xuất của Khoa Quản trị kinh doanh và Biên bản thông qua chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh áp dụng từ Khóa 13 tuyển sinh năm 2024. (Cả chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa Quản trị kinh doanh, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: VT, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 347/QĐ-HVCSPT ngày 23 tháng 04 năm 2024 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Ngành đào tạo : **QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
Trình độ đào tạo : **THẠC SĨ**  
Chuyên ngành : **QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
Mã số : **8340101**  
Định hướng đào tạo : **Ứng dụng**

## 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Học viện Chính sách và Phát triển được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm giúp học viên phát triển các kiến thức, có năng lực chuyên sâu, năng lực nghiên cứu và phát hiện các vấn đề và giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế thế giới. Học viên tốt nghiệp có thể trở thành các nhà quản trị, doanh nhân và nhà lãnh đạo các tổ chức kinh doanh với tầm nhìn và tri thức đáp ứng bối cảnh nền kinh tế chuyển dịch sang kinh tế xanh, kinh tế số và đổi mới sáng tạo.

Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững lý thuyết, kỹ năng kinh doanh, quản trị chuyên nghiệp, giúp tổ chức phát triển, đóng góp có hiệu quả cho nền kinh tế đất nước. Người tốt nghiệp chương trình cũng có thể tiếp tục học lên bậc tiến sĩ nếu mong muốn trở thành giảng viên, nhà nghiên cứu về lĩnh vực có liên quan.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

#### a. Về kiến thức

PO1: Cung cấp các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo quản trị kinh doanh. Kiến thức lý thuyết và thực tế về kinh tế, tài chính, quản lý và quản trị sâu, rộng, tiên tiến để phân tích được môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế trước bối cảnh nền kinh tế chuyển dịch sang kinh tế xanh, kinh tế số và đổi mới sáng tạo.

PO2: Cung cấp kiến thức về lý thuyết và thực tiễn về hoạt động quản trị trong các lĩnh vực như vận hành, nhân sự, marketing, chiến lược, cũng như các chức năng quản trị, điều hành trong tổ chức, doanh nghiệp.

#### b. Về kỹ năng

PO3: Giúp học viên áp dụng kiến thức, khả năng lãnh đạo, sáng tạo và kỹ năng thực hành vào các tình huống kinh doanh; linh hoạt trong việc vận dụng các chức năng của quản trị trong các tình huống thực tiễn.

PO4: Nâng cao tinh thần kinh doanh, đổi mới sáng tạo và kỹ năng tư duy phản biện trong nhận diện và giải quyết các vấn đề của tổ chức.

### c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO5: Là nhà quản trị với tư duy đổi mới sáng tạo, có trách nhiệm với môi trường và xã hội, dẫn dắt tổ chức thích nghi trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi mạnh mẽ sang kinh tế số, kinh tế xanh.

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh có khả năng:

CDR	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	PLO 1.1	Hiểu, vận dụng phương pháp luận, các lý thuyết kinh tế học, chính sách công, mô hình kinh tế vào việc phân tích, bình luận các vấn đề thực tiễn kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.
	PLO 1.2	Nhận diện cơ hội và phát triển chiến lược, mô hình kinh doanh thích ứng với môi trường kinh doanh
	PLO 1.3	Lãnh đạo tổ chức thực hiện hiệu quả những mục tiêu của tổ chức để xây dựng và tổ chức các quá trình kinh doanh cho các loại hình tổ chức, doanh nghiệp
Kỹ năng	PLO 2.1	Vận dụng các kỹ năng, kiến thức chuyên ngành trong hoạch định, ra quyết định thực hiện và kiểm soát mọi kế hoạch chức năng (sản xuất, tài chính, nhân sự, marketing...) để thực thi mục tiêu chiến lược của tổ chức.
	PLO 2.2	Có tư duy phản biện; Linh hoạt, có khả năng học hỏi và thích nghi với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu và làm chủ các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, lãnh đạo nhóm, hình thành ý tưởng mới để nhận diện được các cơ hội kinh doanh, huy động và tổ chức các nguồn lực.
Năng lực tự chủ & trách nhiệm	PLO 3.1	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.
	PLO 3.2	Có năng lực trở thành công dân toàn cầu; là nhà quản trị với tư duy đổi mới sáng tạo, có trách nhiệm với môi trường và xã hội, dẫn dắt tổ chức thích nghi trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi mạnh mẽ.

### 2.2. Ma trận giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) và Tiêu chí đánh giá (PI)

Mã CDR	Mã PI	Nội dung đo lường
PLO 1.1	PI 1.1.1	Nắm vững kiến thức thống kê, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học vận dụng vào giải bài toán kinh tế, phân tích ra quyết định thích ứng với bối cảnh kinh tế - xã hội
	PI 1.1.2	Nắm vững nguyên lý của kinh tế học, mô hình kinh tế, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, vận hành hệ thống tổ chức. Phân tích, bình luận được tình huống tác động của chính sách tới tình hình kinh tế xã hội tại Việt Nam.
PLO 1.2	PI 1.2.1	Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản để xây dựng và đánh giá chiến lược của doanh nghiệp. Phân tích được công tác quản trị chiến lược trong tổ chức/doanh nghiệp; xây dựng được quy trình quản trị chiến lược trong bối

Mã CDR	Mã PI	Nội dung đo lường
		cánh toàn cầu và nền kinh tế số.
	PI 1.2.2	Áp dụng thành thạo các biện pháp phòng chống rủi ro, tạo sự ổn định trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp
	PI 1.2.3	Phân tích thực trạng và lựa chọn được giải pháp hiệu quả cho các hoạt động quản trị; đề xuất được mô hình mới đáp ứng sự thay đổi của doanh nghiệp khi môi trường biến đổi
PLO 1.3	PI 1.3.1	Xác định được các cách thức kết hợp các nguồn lực hiệu quả để tạo ra tăng trưởng kinh tế thông qua các mô hình tăng trưởng kinh tế theo các giai đoạn phát triển khác nhau.
	PI 1.3.2	Áp dụng được kiến thức pháp luật hiện hành vào quá trình vận hành tổ chức, doanh nghiệp
	PI 1.3.3	Vận dụng được các nguyên tắc sử dụng quyền lực, phối hợp quyền lực, các công cụ tạo động lực và ra quyết định lãnh đạo; phát triển phẩm chất và xây dựng uy tín nhà lãnh đạo trong giao tiếp, truyền đạt, trao quyền, khuyến khích, biến đổi và sáng tạo, giải quyết vấn đề, xây dựng đội nhóm, đào tạo nhân tài và phát triển nguồn nhân lực
PLO 2.1	PI 2.1.1	Phối hợp được các nguyên tắc quản trị và lý thuyết kinh doanh hiện đại vào triển khai các nghiệp vụ quản trị hiệu quả, quản trị rủi ro hoặc sự thay đổi khi môi trường có biến động
	PI 2.1.2	Vận dụng kiến thức nâng cao về hoạt động quản trị marketing trên nền tảng số với như: Quy trình xây dựng kế hoạch marketing trên nền tảng số, mô hình Digital marketing điển hình, xu hướng Digital marketing, các công cụ Digital marketing, các công cụ chủ yếu, tối ưu chiến lược và triển khai, đo lường đánh giá hiệu quả chiến lược marketing...
	PI 2.1.3	Phân tích được hoạt động tài chính của doanh nghiệp, các vấn đề liên quan đến quản lý nguồn nhân lực, quản trị sản xuất trong tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hoá và ứng dụng lý thuyết vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn
	PI 2.1.4	Phân tích, thiết kế các kế hoạch tổng thể và chi tiết liên quan đến chiến lược thương hiệu; và ra quyết định liên quan đến công tác quản trị thương hiệu của tổ chức
	PI 2.1.5	Phân tích, hoạch định, chiến lược kinh doanh dịch vụ; có kỹ năng tư duy về quản trị hệ thống cung cấp dịch vụ; quản trị nhu cầu dịch vụ của khách hàng và thị trường; quản trị quan hệ khách hàng
PLO 2.2	PI 2.2.1	Phối hợp linh hoạt kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, lời nói, tài liệu, đồ họa
	PI 2.2.2	Phối hợp linh hoạt các kỹ năng quản trị để đưa ra những ý tưởng kinh doanh hiệu quả trong nền kinh tế mở
	PI 2.2.3	Áp dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu phục vụ nghiên cứu chuyên ngành
	PI 2.2.4	Phối hợp được các phương pháp, công cụ kỹ thuật phân tích để đưa ra các chiến lược cho tổ chức trong lĩnh vực tài chính, marketing, thương hiệu, dịch vụ...
	PI 2.2.5	Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả
PLO 3.1	PI 3.1.1	Làm đúng các quy định của pháp luật, tổ chức; làm đúng các bước trong quy trình hướng dẫn người khác thực hiện các nhiệm vụ,

<b>Mã CDR</b>	<b>Mã PI</b>	<b>Nội dung đo lường</b>
	PI 3.1.2	Xây dựng được kế hoạch công việc chuyên môn trong lĩnh vực quản trị cho bản thân và nhóm
PLO 3.2	PI 3.2.1	Xây dựng cách thức khai thác, sử dụng các nguồn lực phù hợp với yêu cầu công việc, xử lý linh hoạt các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản trị
	PI 3.2.2	Xác định đúng về năng lực của bản thân

### 3. Ma trận liên kết các chuẩn đầu ra với mục tiêu của chương trình đào tạo

<b>Mã CDR của CTĐT</b>	<b>Mục tiêu của CTĐT</b>				
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO 1.1	x				x
PLO 1.2	x	x			
PLO 1.3		x	x		
PLO 2.1			x	x	
PLO 2.2			x	x	x
PLO 3.1	x	x			x
PLO 3.2			x	x	x

#### 4. Ma trận đóng góp của các thành phần chính trong CTĐT vào chuẩn đầu ra

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLO 1.1		PLO 1.2			PLO 1.3			PLO 2.1					PLO 2.2					PLO 3.1		PLO 3.2	
			PI 1.1.1	PI 1.1.2	PI 1.2.1	PI 1.2.2	PI 1.2.3	PI 1.3.1	PI 1.3.2	PI 1.3.3	PI 2.1.1	PI 2.1.2	PI 2.1.3	PI 2.1.4	PI 2.1.5	PI 2.2.1	PI 2.2.2	PI 2.2.3	PI 2.2.4	PI 2.2.5	PI 3.1.1	PI 3.1.2	PI 3.2.1	PI 3.2.2
<b>I</b>	<b>Kiến thức chung</b>																							
1	CHLL02	Triết học	4	3															X	X	X	X	X	
2	CHPT04	Kinh tế học quản lý		3										X		X		X	X	X	X	X	X	
3	CHKS03	Thông kê và phân tích dữ liệu		3								X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	
4	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	4					3		X		X		X	X	X		X	X	X	X	X	
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</b>																							
1	CHCS01	Nguyên lý cơ bản về chính sách công		3								X			X				X	X	X	X	X	
2	CHPT06	Kinh tế phát triển		3				3				X			X	X			X	X	X	X	X	
3	CHKD07	Quản trị chiến lược nâng cao			4	3		4	5		X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</b>																							
1	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách		3								X				X		X	X	X	X	X	X	
2	CHLU03	Pháp luật quản trị công ty và cạnh tranh		3		3			3		X				X			X		X	X	X	X	
<b>III.1</b>	<b>Kiến thức ngành, chuyên ngành bắt buộc</b>																							
1	CHKD13	Quản trị dịch vụ trong kinh doanh toàn cầu			3	3		3	5		X			X	X	X	X		X	X	X	X	X	
2	CHCS06	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức					3	4		3	X				X	X		X		X	X	X	X	
3	CHKD15	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo			3		5	4		3	X	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	
4	CHKD14	Marketing cho nhà quản lý trong môi trường số			3	3	4		5		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	
5	CHKD12	Quản trị thương hiệu			3	3	3		5		X			X	X		X	X		X	X	X	X	



## 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 64 tín chỉ.

## 6. Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định đào tạo thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

7. Tiêu chí tuyển sinh: Theo thông báo tuyển sinh của Học viện.

8. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Cấu trúc cơ bản

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Trong đó	
			Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức chung	13	13	
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	12	9	3
3	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	24	15	9
4	Thực tập và Đề án	15	15	
	<b>TỔNG</b>	<b>64</b>	<b>52</b>	<b>12</b>

*Khối kiến thức chung* cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng chung cơ bản, là tiền đề cho các học phần của khối ngành, ngành và chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo về sau, đồng thời, cũng là tiền đề cho việc học tập nâng cao trình độ cho học viên sau khi tốt nghiệp đại học.

*Khối kiến thức cơ sở ngành* giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng chung cơ bản của khối ngành kinh tế và kinh doanh, là tiền đề cho các học phần của ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo về sau.

*Khối kiến thức ngành/chuyên ngành* giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng liên quan đến hoạt động kinh doanh và quản trị kinh doanh.

### 9.2. Nội dung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
<b>I</b>	<b>KIẾN THỨC CHUNG</b>		<b>13</b>	
1	CHLL02	Triết học	4	1
2	CHPT04	Kinh tế học quản lý	3	1
3	CHKS03	Thông kê và phân tích dữ liệu	3	2
4	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
<b>II</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>		<b>12</b>	
<b>II.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>	
1	CHCS01	Nguyên lý cơ bản về chính sách công	3	1
2	CHPT06	Kinh tế phát triển	3	1
3	CHKD07	Quản trị chiến lược nâng cao	3	1



<b>II.2</b>	<b>Học phần tự chọn</b>		<b>3</b>	
1	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách	3	2
2	CHLU03	Pháp luật về quản trị công ty và cạnh tranh	3	3
<b>III</b>	<b>KIẾN THỨC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>24</b>	
<b>III.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>	
1	CHKD13	Quản trị dịch vụ trong kinh doanh toàn cầu	3	2
2	CHCS06	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức	3	3
3	CHKD15	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3	3
4	CHKD14	Marketing cho nhà quản lý trong môi trường số	3	2
5	CHKD12	Quản trị thương hiệu	3	3
<b>III.2</b>	<b>Học phần tự chọn</b>		<b>9</b>	
1	CHTC03	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	2
2	CHKD05	Kỹ năng ra quyết định quản trị	3	2
3	CHKT02	Quản trị rủi ro nâng cao	3	3
4	CHPT12	Phát triển bền vững	3	3
5	CHCS03	Khoa học lãnh đạo	3	3
6	CHKK01	Chính sách Thuế	3	2
7	CHKD11	Quản trị sản xuất và tác nghiệp trong chuỗi giá trị toàn cầu	3	3
8	CHKT01	Quản lý dự án đầu tư	3	3
<b>IV</b>	<b>THỰC TẬP VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP</b>		<b>15</b>	
1	CHCD01	Chuyên đề thực tế 1	3	4
2	CHCD02	Chuyên đề thực tế 2	3	4
3	CHDA01	Đề án tốt nghiệp	9	4
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>64</b>	

## 10. Đối sánh với một số CTĐT trong và ngoài nước

X: Học phần có nội dung tương thích

C (Close): Học phần có nội dung gần

TT	Mã học phần	Tên học phần	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
1.	CHLL02	Triết học	x	x	x		
2.	CHPT04	Kinh tế học quản lý			x	c	c
3.	CHKS03	Thống kê và phân tích dữ liệu		c	c	c	c
4.	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học		x	x		
5.	CHCS01	Chính sách công					
6.	CHPT06	Kinh tế phát triển					
7.	CHKD07	Quản trị chiến lược nâng cao	x	x	x	x	x

8.	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách					
9.	CHKD13	Quản trị dịch vụ			c		c
10.	CHCS06	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức	x	x	c	c	c
11.	CHKD15	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	c	c	c	c	c
12.	CHKD14	Marketing cho nhà quản lý trong môi trường số		x	x	x	
13.	CHKD12	Quản trị thương hiệu	c			c	c
14.	CHTC03	Tài chính doanh nghiệp nâng cao		c	c		
15.	CHKD05	Kỹ năng ra quyết định quản trị	x	c	c		c
16.	CHKT02	Quản trị rủi ro nâng cao	c	c			
17.	CHPT16	Quy hoạch phát triển					
18.	CHCS03	Khoa học lãnh đạo	c	c	c	c	
19.	CHKT01	Quản lý dự án đầu tư	c			c	
20.	CHKK01	Chính sách Thuế					
21.	CHKD11	Quản trị sản xuất và tác nghiệp trong chuỗi giá trị toàn cầu	c			c	c

Ký hiệu	CTĐT đối sánh	Địa chỉ tham chiếu
CT1	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	<a href="https://ueb.edu.vn/Dao-Tao/UEB/chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nganh-quan-tri-kinh-doanh-dinh-huong-ung-dung-ap-dung-tuyen-sinh-tu-nam-2023/1665/1668/1682/34739">https://ueb.edu.vn/Dao-Tao/UEB/chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nganh-quan-tri-kinh-doanh-dinh-huong-ung-dung-ap-dung-tuyen-sinh-tu-nam-2023/1665/1668/1682/34739</a>
CT2	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	<a href="https://sdh.ueh.edu.vn/nganh-dao-tao-thac-si/-quan-tri-kinh-doanh-business-administration-huong-ung-dung-ap-dung-tu-nam-2022.html">https://sdh.ueh.edu.vn/nganh-dao-tao-thac-si/-quan-tri-kinh-doanh-business-administration-huong-ung-dung-ap-dung-tu-nam-2022.html</a>
CT3	Đại học kinh tế quốc dân	Khung chương trình đào tạo thạc sĩ qtkd định hướng ứng dụng (Ban hành theo Quyết định số 10/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
CT4	Toronto Metropolitan University	<a href="https://www.torontomu.ca/mba/program/curriculum/#!accordion-1487045188273-core-courses">https://www.torontomu.ca/mba/program/curriculum/#!accordion-1487045188273-core-courses</a>
CT5	Columbia Business School	<a href="https://academics.gsb.columbia.edu/mba/academics/core-curriculum">https://academics.gsb.columbia.edu/mba/academics/core-curriculum</a>

## 11. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Được công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành đầy đủ các học phần và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định đào tạo thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

## **12. Hướng dẫn thực hiện**

Thời gian áp dụng: Áp dụng cho khóa đào tạo tuyển sinh từ năm 2024. Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 02 năm, mỗi năm có 2-3 học kỳ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

Người học nhập học được đăng ký theo kế hoạch giảng dạy của Học viện. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, người học có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

Quá trình thực hiện chương trình tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính sách và Phát triển. Theo lộ trình đào tạo, học viên sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành trong 1-2 kì học đầu tiên; các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành sẽ được học trong học kỳ 2 và 3. Học kỳ 3/4 thông thường sẽ dành cho học phần tốt nghiệp (đề án tốt nghiệp). Học phần thực tập có thể được thực hiện linh hoạt từ học kỳ 2 trở đi. Đối với các học phần tự chọn, Khoa hướng dẫn học viên chọn các học phần phù hợp nhất với các mục tiêu học tập và nghề nghiệp của học viên cũng như các điều kiện thực tế và các yêu cầu xã hội.

## **13. Hướng dẫn về đảm bảo chất lượng đào tạo**

- Chương trình đào tạo được xem xét và cập nhật hàng năm. Cứ sau 5 năm, chương trình đào tạo được xem xét tổng thể, toàn diện để có các cập nhật cho phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

- Việc thực hiện đảm bảo chất lượng đào tạo chương trình tuân thủ theo Quy chế đảm bảo chất lượng giáo dục áp dụng tại Học viện Chính sách và Phát triển (ban hành kèm theo Quyết định số 1396/QĐ-HVCSPT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển).

**PHỤ TRÁCH KHOA**



**TS. Vũ Thị Minh Luận**

**GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Trần Trọng Nguyên**